

## **BÀI 13**

### **QUY ĐỊNH XỬ LÝ NỢ BỊ RỦI RO TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

#### **I. Căn cứ pháp lý để xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH**

- Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Căn cứ Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc Ban hành Quy định xử lý nợ bị rủi ro trong hệ thống NHCSXH;

#### **II. QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **1. Đối tượng áp dụng**

a) Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH).

b) Khách hàng được vay vốn của NHCSXH theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021) và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định việc xử lý rủi ro được thực hiện theo quy định về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH (sau đây gọi chung là khách hàng).

c) Tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện cho vay và xử lý rủi ro tín dụng tại NHCSXH.

##### **2. Nguyên tắc xử lý nợ bị rủi ro**

a) Việc xem xét, xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau:

- Khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định, đã sử dụng vốn vay đúng Mục đích;

- Khách hàng bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan làm mất một Phần hoặc toàn bộ vốn, tài sản;

- Khách hàng gặp khó khăn về tài chính dẫn đến chưa có khả năng trả được nợ hoặc không trả được nợ cho ngân hàng.

b) Việc xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào nguyên nhân dẫn đến rủi ro, mức độ rủi ro và khả năng trả nợ

của khách hàng, đảm bảo đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng trình tự, khách quan và công bằng giữa các đối tượng vay vốn.

### **3. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro**

a) Áp dụng đối với việc xử lý nợ của khách hàng vay vốn tại NHCSXH bị rủi ro do nguyên nhân khách quan.

b) Các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân vay vốn tại NHCSXH thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản cho vay tại NHCSXH bằng nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư theo từng Hiệp định hoặc Hợp đồng ký kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thì việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo Hiệp định hoặc Hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân ủy thác.

d) Xử lý xóa nợ do nguyên nhân khách quan trong trường hợp khách hàng có tài sản bảo đảm và có mua bảo hiểm:

- Trường hợp khách hàng có tài sản bảo đảm theo quy định gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, NHCSXH được quyền chủ động xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận với khách hàng và theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm dùng để bù đắp chi phí xử lý tài sản bảo đảm; hoàn trả nợ gốc, nợ lãi cho NHCSXH; nếu thừa thì trả lại cho khách hàng, nếu thiếu thì Phần thiếu được xử lý rủi ro theo Quy định.

- Trường hợp tài sản của khách hàng (tài sản bảo đảm, cây trồng, vật nuôi, gia súc, gia cầm và tài sản khác) có mua bảo hiểm nếu bị tổn thất thì bị xử lý theo hợp đồng bảo hiểm. Khoản tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm được dùng để hoàn trả nợ gốc, nợ lãi cho NHCSXH; nếu thừa thì trả lại cho khách hàng, nếu thiếu thì Phần thiếu được xử lý rủi ro theo Quy định.

### **4. Thời điểm xem xét xử lý nợ bị rủi ro và báo cáo kết quả xử lý nợ bị rủi ro**

a) Việc xem xét xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan được thực hiện tại thời điểm thực tế phát sinh rủi ro hoặc theo từng đợt trên cơ sở đề nghị của khách hàng, của NHCSXH. Việc xem xét, xử lý nợ bị rủi ro từng đợt tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

b) Định kỳ 6 tháng hoặc khi có yêu cầu đột xuất, chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh tổng hợp kết quả xử lý nợ bị rủi ro theo mẫu số 01 và mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ gửi Hội sở chính để tổng hợp và báo cáo cho Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nội dung báo cáo được lập theo từng biện pháp xử lý nợ theo địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và theo từng chương trình tín dụng.

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 6 kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu báo cáo 6 tháng cuối năm được tính từ ngày 01 tháng 7 kỳ báo cáo đến ngày 31 tháng 12 kỳ báo cáo.

d) Thời hạn gửi báo cáo quy định tại điểm (b), khoản này như sau:

- Báo cáo 6 tháng đầu năm: chậm nhất vào ngày 30 tháng 7 của kỳ báo cáo.
- Báo cáo 6 tháng cuối năm: chậm nhất vào ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo sau kỳ báo cáo.

### **III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **1. Quy định về các nguyên nhân khách quan**

a) Các loại thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai; địch họa, hỏa hoạn; các dịch bệnh liên quan tới vật nuôi và cây trồng xảy ra làm thiệt hại đến vốn, tài sản của dự án hoặc phương án vay vốn từ NHCSXH.

b) Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Biến động chính trị, kinh tế - xã hội, dịch bệnh ở nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị phá sản, giải thể; doanh nghiệp tiếp nhận lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động do người lao động không đủ sức khỏe để làm việc hoặc không đảm bảo tay nghề hoặc do các nguyên nhân khách quan khác mà không do lỗi của người lao động dẫn đến việc người đi lao động ở nước ngoài phải về nước trước hạn.

d) Khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên khác trong hộ gia đình (là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung tại thời điểm khách hàng đề nghị xử lý rủi ro):

- Mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích.

- Bị bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế.

- Vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên, tính từ thời điểm biết được tin tức cuối cùng về khách hàng.

đ) Các khoản nợ phải thu hồi theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo thông báo của cơ quan thi hành án.

e) Các khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích và không còn tài sản để trả nợ; khách hàng bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật.

## **2. Các biện pháp xử lý nợ bị rủi ro**

### **a) Gia hạn nợ**

- *Gia hạn nợ* là việc NHCSXH cho phép khách hàng được kéo dài thời hạn trả nợ đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Trong thời gian gia hạn nợ khách hàng vẫn phải trả lãi tiền vay.

- *Điều kiện gia hạn nợ*: khách hàng được xem xét gia hạn nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Khách hàng được xem xét gia hạn nợ khi bị rủi ro do một trong các nguyên nhân quy định tại điểm (a) và điểm (b), khoản 1, Mục III.

+ Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản dưới 40% so với tổng số vốn thực hiện dự án hoặc phương án sản xuất kinh doanh vay vốn.

**Ví dụ:** Ông Nguyễn Văn A vay 15.000.000đ chương trình cho vay hộ nghèo bị rủi ro do bão lũ số tiền thiệt hại ước tính 20.000.000đ, tổng số vốn thực hiện dự án là 55.000.000đ. Tỷ lệ thiệt hại tính trên số vốn hoặc tài sản bị thiệt hại là:

$$\text{Tỷ lệ thiệt hại} = \frac{20.000.000\text{đ}}{55.000.000\text{đ}} \times 100 = 36,4 \%$$

- *Thời gian gia hạn nợ*: được tính từ ngày đến hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay. Tổng thời gian gia hạn nợ bao gồm cả gia hạn nợ thông thường và gia hạn nợ rủi ro tối đa là 12 tháng đối với loại cho vay ngắn hạn; tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản vay trung và dài hạn (tính theo thời gian cho vay ban đầu khi ký hợp đồng vay vốn); trừ các trường hợp Thủ tướng Chính phủ có quy định riêng (nếu có).

### **b) Khoanh nợ**

- *Khoanh nợ*: là việc NHCSXH chưa thu nợ của khách hàng và không tính lãi tiền vay phát sinh trong thời gian được khoanh nợ.

- *Điều kiện và thời gian khoanh nợ*:

Khoanh nợ tối đa 03 năm: đối với khách hàng có hoàn cảnh khó khăn, chưa có khả năng trả nợ đúng hạn và thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân quy định tại điểm (a) và điểm (b), khoản 1, Mục III có mức độ thiệt hại về vốn và tài sản từ 40% đến dưới 80% so với tổng số vốn thực hiện của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh vay vốn.

**Ví dụ:** Ông Nguyễn Văn A vay 15.000.000đ chương trình cho vay hộ nghèo bị rủi ro do bão lũ số tiền thiệt hại ước tính 30.000.000đ, tổng số vốn thực hiện dự án là 55.000.000đ. Tỷ lệ thiệt hại tính trên số vốn hoặc tài sản bị thiệt hại là:

$$\text{Tỷ lệ thiệt hại} = \frac{30.000.000\text{đ}}{55.000.000\text{đ}} \times 100 = 54,5 \%$$

+ Khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại điểm (c) và điểm (đ), khoản 1, Mục III

+ Khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên khác trong hộ gia đình bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại tiết 1 và tiết 2, điểm (d), khoản 1, Mục II (trừ trường hợp được xem xét xóa nợ theo Quy định).

+ Khách hàng bị rủi ro trước thời điểm năm 2014 do các nguyên nhân khách quan quy định tại điểm (a) và điểm (b), khoản 1, Mục III do không thực hiện xử lý rủi ro kịp thời nên không xác định được mức độ thiệt hại.

Khoanh nợ tối đa 05 năm: đối với khách hàng có hoàn cảnh khó khăn, chưa có khả năng trả nợ đúng hạn và thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân nêu tại điểm (a) và điểm (b), khoản 1, Mục III văn bản này có thiệt hại về vốn và tài sản từ 80% đến 100% so với tổng số vốn thực hiện của dự án hoặc phương án sản xuất, kinh doanh vay vốn.

**Ví dụ:** Ông Nguyễn Văn A vay 15.000.000đ chương trình cho vay hộ nghèo bị rủi ro do bão lũ số tiền thiệt hại ước tính 45.000.000đ, tổng số vốn thực hiện dự án là 55.000.000đ. Tỷ lệ thiệt hại tính trên số vốn hoặc tài sản bị thiệt hại là:

$$\text{Tỷ lệ thiệt hại} = \frac{45.000.000\text{đ}}{55.000.000\text{đ}} \times 100 = 81,8 \%$$

+ Tất cả thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên.

- Trường hợp hết thời gian khoanh nợ, khách hàng vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ sẽ được xem xét cho khoanh nợ bổ sung với thời gian tối đa không vượt quá thời gian đã được khoanh nợ lần trước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

**Lưu ý:** đối với các khoản Nợ khoanh chuẩn bị hết thời gian khoanh nợ, thì tùy từng trường hợp cụ thể, NHCSXH nơi cho vay cần phải thực hiện theo các nội dung dưới đây:

- NHCSXH tổ chức rà soát, đánh giá trước khi hết thời gian khoanh nợ tối đa là 120 ngày. Trường hợp khách hàng được khoanh nợ theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT với nguyên nhân thiên tai, dịch bệnh đến nay đã hết hạn khoanh và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú không xác định được tung tích từ 2 năm liền trở lên thì được xem xét đề nghị khoanh nợ tối đa 5 năm với nguyên nhân: Tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên.

- Đối với các khoản nợ đã được khoanh nợ theo Quyết định số 892/QĐ-TTg ngày 11/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ, NHCSXH nơi cho vay đánh giá tình trạng, khả năng trả nợ của khách hàng, lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro nếu đủ điều kiện theo quy định tại Quyết định số 62/QĐ-HĐQT.

### **c) Xóa nợ (gốc, lãi)**

- *Xóa nợ (gốc, lãi)* là việc NHCSXH không thu một Phần hoặc toàn bộ nợ gốc, lãi của khách hàng đang còn dư nợ tại NHCSXH.

- *Điều kiện xóa nợ:* Tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn không có khả năng trả nợ và thuộc một trong các trường hợp sau được xem xét xóa nợ (gốc, lãi):

- + Tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn đều bị rủi ro do một trong các nguyên nhân nêu tại tiết 1, điểm (d), khoản 1, Mục III

- + Khách hàng bị rủi ro do nguyên nhân nêu tại điểm (e), khoản 1, Mục III.

- + Khách hàng sau khi hết thời gian khoanh nợ (kể cả trường hợp được khoanh nợ bổ sung) mà vẫn không có khả năng trả nợ và NHCSXH đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nhưng không thu được nợ.

- + Các khoản nợ nhận bàn giao từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công thương Việt Nam và Kho bạc Nhà nước đã được NHCSXH áp dụng mọi biện pháp thu hồi nhưng không thể thu hồi được.

- *Số tiền xóa nợ (gốc, lãi)* cho khách hàng bằng số tiền khách hàng còn phải trả cho ngân hàng sau khi ngân hàng đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi.

### **3. Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro**

a) Khi khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan theo quy định, NHCSXH nơi cho vay chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tiến hành thẩm tra, lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro. Nội dung chính của biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro bao gồm:

- Nguyên nhân đề nghị xử lý nợ bị rủi ro.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.

Đối với trường hợp khách hàng được xem xét khoan nợ theo các nguyên nhân nêu tại điểm (c) và điểm (d), khoản 1, Mục III và trường hợp khách hàng là cá nhân bị rủi ro trước thời điểm năm 2014 do các nguyên nhân khách quan quy định tại điểm (a) và điểm (b), khoản 1, Mục III nhưng không thực hiện xử lý rủi ro kịp thời thì không phải xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.

- Đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng

+ Đánh giá tình trạng, khả năng trả nợ của khách hàng và của tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn; nêu rõ nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ.

+ Trường hợp đề nghị xem xét xóa nợ NHCSXH nơi cho vay phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn NHCSXH và tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được.

+ Trường hợp khách hàng được xem xét xóa nợ theo quy định tại Quyết định số 62/QĐ-HĐQT mà khách hàng còn số dư tiền gửi tổ viên tổ Tiết kiệm và vay vốn và khoản vay được xem xét xóa nợ là khoản nợ cuối cùng của khách hàng tại NHCSXH thì tại Khoản 4 Mục IV Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro Mẫu số 02/XLN phải ghi rõ nội dung: Đề nghị NHCSXH chuyển tiền từ tài khoản tiền gửi của hộ vay để thu nợ cho khoản vay tại NHCSXH.

- Đề xuất biện pháp xử lý: Trường hợp đề nghị xem xét xóa nợ, NHCSXH nơi cho vay phải xác nhận về việc đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn không có khả năng trả nợ.

b) Về xác nhận đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi khách hàng cư trú về các nội dung:

+ Nguyên nhân khách quan đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm (b), Khoản 1, Mục III (đối với khách hàng vay vốn là cá nhân).

+ Khách hàng vay vốn là cá nhân bị rủi ro trước thời điểm năm 2014 nhưng không thực hiện xử lý rủi ro kịp thời, có hoàn cảnh khó khăn và chưa có khả năng trả nợ.

+ Quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của các thành viên trong hộ gia đình và đang sống chung tại thời điểm khách hàng đề nghị xử lý rủi ro.

+ Tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn không có khả năng trả nợ sau khi hết thời gian khoan nợ (kể cả khoan nợ bổ sung).

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro phải có xác nhận của Công an cấp xã đối với trường hợp tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên; xác nhận rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, thời điểm vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên.

c) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản của khách hàng để áp dụng biện pháp xử lý nợ được xác định bằng số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn thực tế bị tổn thất do các nguyên nhân khách quan so với số vốn (bao gồm cả vốn vay NHCSXH và vốn khác) để thực hiện dự án, phương án vay vốn.

d) Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro phải có xác nhận của lãnh đạo NHCSXH nơi cho vay; Tổ trưởng tổ Tiết kiệm và vay vốn đối với trường hợp cho vay qua tổ tiết kiệm và vay vốn; lãnh đạo tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác cho vay đối với trường hợp cho vay qua tổ chức chính trị xã hội; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi khách hàng cư trú; công an xã đối với trường hợp thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên; các tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).

**Lưu ý:** Khi đề nghị xử lý nợ bị rủi ro với trường hợp “khách hàng vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên”, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với các tổ chức Hội đoàn thể, Tổ TK&VV, chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (Thuế, Bảo hiểm, Công an,...) để rà soát, tìm kiếm, xác minh thông tin, địa chỉ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn. Trường hợp qua rà soát đã xác định tất cả thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên thì NHCSXH nơi cho vay chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan tiến hành lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro theo quy định.

#### **4. Hồ sơ pháp lý để xử lý nợ bị rủi ro**

##### **a) Đối với gia hạn nợ.**

- Bản chính đơn đề nghị xử lý nợ của khách hàng (mẫu số 01/XLN) trong đơn khách hàng nêu rõ: nguyên nhân gây thiệt hại; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền dư nợ gốc và lãi còn phải trả NHCSXH; số tiền đề nghị gia hạn nợ; thời gian đề nghị gia hạn nợ.

- Bản chính biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN).

- Bản sao hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu); thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (mẫu 01/TL).



- Trường hợp khách hàng là tổ chức kinh tế phải bổ sung thêm các giấy tờ sau:

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của tổ chức kinh tế.

+ Bản chính phương án khôi phục sản xuất - kinh doanh của tổ chức kinh tế.

**b) Đối với khoản nợ:**

- Bản chính đơn đề nghị xử lý nợ của khách hàng (mẫu số 01/XLN), trong đơn khách hàng nêu rõ: nguyên nhân gây thiệt hại; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền dư nợ gốc và lãi còn phải trả NHCSXH; số tiền đề nghị khoan nợ; thời gian đề nghị khoan nợ.

**Lưu ý:** Trường hợp tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên thì **không cần** phải có đơn đề nghị.

- Bản chính biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN).

- Bản sao hợp đồng vay vốn/số vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu); thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (mẫu 01/TL).

- Trường hợp khách hàng là tổ chức kinh tế phải bổ sung các giấy tờ sau:

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của tổ chức kinh tế.

+ Bản chính phương án khôi phục sản xuất - kinh doanh của tổ chức kinh tế.

- Các giấy tờ liên quan khác như sau:

+ Bản sao có chứng thực biên bản thanh lý hợp đồng với người lao động hoặc thông báo chấm dứt hợp đồng lao động của chủ sử dụng lao động hoặc thông báo danh sách của Cơ quan lao động thương binh và xã hội cấp huyện tại địa phương về việc người lao động tại nước ngoài về nước trước hạn đối với trường hợp người đi lao động ở nước ngoài về nước trước hạn. Trường hợp các giấy tờ trên không nêu nguyên nhân người lao động về nước trước hạn thì phải có bản sao có chứng thực xác nhận của Cơ quan lao động thương binh và xã hội cấp huyện tại địa phương về nội dung này.

+ Bản sao có chứng thực Quyết định của Tòa án về việc cá nhân có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

+ Bản sao có chứng thực xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tuyến huyện và tương đương trở lên đối với trường hợp khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên trong hộ gia đình mắc bệnh hiểm nghèo; mắc

bệnh tâm thần; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; bị bệnh cần chữa trị dài ngày; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên.

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản án hoặc Quyết định của Tòa án và văn bản thông báo của cơ quan thi hành án về việc thực hiện bản án đã tuyên, số tiền thu được, số tiền không còn khả năng thi hành án đối với trường hợp các khoản nợ phải thu hồi theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án.

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng tử hoặc Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố cá nhân chết, mất tích đối với trường hợp khách hàng có thành viên trong hộ gia đình chết, mất tích.

**c) Đối với xóa nợ (gốc, lãi):**

- Bản chính đơn đề nghị xử lý nợ của khách hàng (mẫu số 01/XLN), trong đơn khách hàng nêu rõ: nguyên nhân dẫn đến rủi ro không trả được nợ; mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; khả năng trả nợ; số tiền gốc và lãi còn đang còn nợ ngân hàng; số tiền gốc và lãi xin xóa nợ.

Các trường hợp không phải có đơn đề nghị xử lý nợ: khách hàng chết; mất tích; vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên đã hết thời gian khoan nợ; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; mất năng lực hành vi dân sự; mắc bệnh tâm thần mà không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn và trường hợp khách hàng bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật.

- Bản chính biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN).

- Bản sao hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu); thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (mẫu 01/TL).

Trường hợp các khoản nợ nhận bàn giao không có hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác thì NHCSXH nơi cho vay phải có biên bản xác nhận số nợ tại ngân hàng theo (mẫu số 16/XLN).

- Trường hợp khách hàng bị giải thể theo quy định của pháp luật thì hồ sơ bao gồm:

+ Bản chính biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN).

+ Bản sao hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu); thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (mẫu số 01/TL).

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giải thể và các văn bản liên quan đến việc xử lý tài sản.

- Trường hợp khách hàng bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật thì hồ sơ bao gồm:

+ Bản chính biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN).

+ Bản sao hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác có rút số dư nợ (gốc, lãi, tổng số) đến ngày lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu); thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (mẫu số 01/TL).

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án; tài liệu phân chia tài sản của chấp hành viên thể hiện số nợ thu hồi được hoặc không thu hồi được của NHCSXH; quyết định về việc đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản của cơ quan thi hành án dân sự.

- Các giấy tờ liên quan khác như sau:

+ Các giấy tờ quy định về việc xác nhận mắc bệnh tâm thần, mắc bệnh hiểm nghèo, mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi, bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên, chết hoặc bị tuyên bố là đã chết, bị tuyên bố mất tích đối với trường hợp khách hàng vay vốn là cá nhân mà tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn đều bị rủi ro do một trong các nguyên nhân nêu tại điểm (d), khoản 1, Mục III.

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng tử hoặc Quyết định tuyên bố chết, mất tích của Tòa án, kèm theo bộ hồ sơ đầy đủ về chứng cứ, chứng minh số tiền đã chiếm dụng có xác nhận của chính quyền cấp xã đối với trường hợp khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích.

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập đối với pháp nhân, tổ chức kinh tế đối với trường hợp các khoản nợ nhận bàn giao đã áp dụng các biện pháp thu hồi nhưng không có khả năng thu hồi.

### **Lưu ý:**

(i) Hồ sơ pháp lý đề nghị xử lý nợ bị rủi ro ngoài Bản sao hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc giấy tờ nhận nợ khác thì phải bổ sung Giấy ủy quyền (nếu có).

(ii) Trường hợp khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan nhưng còn tài sản bảo đảm tại NHCSXH thì phải thực hiện xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quyết định số 62/QĐ-HĐQT trước khi lập hồ sơ đề nghị xem xét xóa nợ.

(iii) Bệnh cần chữa trị dài ngày hiện nay được xác định theo danh mục bệnh ban hành kèm theo Thông tư 46/2016/TT-BYT; bệnh hiểm nghèo hiện nay được xác định theo phụ lục IV, ban hành kèm theo Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

## 5. Trình tự thực hiện xử lý nợ bị rủi ro

### a) Khách hàng bị rủi ro

- Khi khách hàng gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, đối với gia hạn nợ: khách hàng lập 01 liên Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN) kèm 01 liên các giấy tờ có liên quan khác gửi NHCSXH nơi cho vay; đối với khoan nợ, xóa nợ: khách hàng lập 02 liên Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN) kèm 02 liên các giấy tờ có liên quan khác gửi NHCSXH nơi cho vay.

- Tổ TK&VV hoặc cá nhân, tổ chức có liên quan cùng NHCSXH nơi cho vay rà soát những trường hợp bị rủi ro nhưng không có người làm đơn để thực hiện lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

### b) Tại NHCSXH nơi cho vay

#### **Bước 1:** kiểm tra và tổng hợp hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro

Sau khi nhận được hồ sơ xử lý rủi ro, NHCSXH nơi cho vay phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tổ chức kiểm tra thực tế, kiểm tra tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ, đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN).

NHCSXH nơi cho vay tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp. Cụ thể:

- Đối với gia hạn nợ: tổng hợp 01 bộ hồ sơ pháp lý và lập 02 liên biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 03/XLN). Trường hợp ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định gia hạn nợ thì kiểm tra hồ sơ đề nghị và lập 01 liên (mẫu số 03/XLN) trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định.

- Đối với khoan nợ: tổng hợp 02 bộ hồ sơ pháp lý và 02 liên biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ (mẫu số 04/XLN).

- Đối với xóa nợ: tổng hợp 02 bộ hồ sơ pháp lý và 02 liên biểu tổng hợp đề nghị xóa nợ (mẫu số 05/XLN).

#### **Bước 2:** sắp xếp và lưu trữ hồ sơ

Hồ sơ được sắp xếp và đóng thành tập theo từng biện pháp gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ; theo từng chương trình và sắp xếp theo đúng thứ tự danh sách khách hàng trên mẫu số (03, 04, 05/XLN).

Hồ sơ lưu tại NHCSXH nơi cho vay: 01 liên mẫu số (03, 04, 05/XLN) và 01 bộ hồ sơ pháp lý đề nghị gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ.

#### **Bước 3:** gửi hồ sơ về NHCSXH cấp tỉnh

- 01 liên mẫu số (04, 05/XLN) kèm bộ hồ sơ pháp lý đề nghị khoan nợ, xóa nợ và dữ liệu đề nghị xử lý rủi ro. Hiện nay, Tổng Giám đốc ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định gia hạn nợ nên **không thực hiện** gửi (mẫu số 03/XLN) và dữ liệu đề nghị.

- Thời gian gửi hồ sơ: NHCSXH nơi cho vay gửi hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro (bộ hồ sơ pháp lý và các mẫu biểu tổng hợp) về NHCSXH cấp tỉnh theo quy định của Tổng Giám đốc.

### **c) Tại NHCSXH cấp tỉnh**

#### **Bước 1:** kiểm tra, thẩm định các loại hồ sơ pháp lý

Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ pháp lý đề nghị xử lý rủi ro do NHCSXH nơi cho vay gửi và tổng hợp toàn chi nhánh. Cụ thể:

- Đối với gia hạn nợ: tổng hợp 01 bộ hồ sơ pháp lý và lập 02 liên biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 03/XLN). Trường hợp ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định gia hạn nợ thì kiểm tra hồ sơ đề nghị và lập 01 liên (mẫu số 03/XLN) trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định.

Hiện nay, Tổng Giám đốc đã ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay nên không phải thực hiện tổng hợp (mẫu số 03/XLN)

- Đối với khoan nợ: tổng hợp và lập 02 liên đề nghị khoan nợ của chi nhánh (mẫu số 04/XLN): 01 liên lưu tại NHCSXH cấp tỉnh, 01 liên gửi Hội sở chính kèm 01 bộ hồ sơ pháp lý nêu trên.

- Đối với xóa nợ: tổng hợp và lập 02 liên đề nghị xóa nợ của chi nhánh (mẫu số 05/XLN): 01 liên lưu tại NHCSXH cấp tỉnh, 01 liên gửi Hội sở chính kèm 01 bộ hồ sơ pháp lý nêu trên.

**Bước 2:** Kiểm tra thực tế: kiểm tra tại NHCSXH nơi cho vay tính hợp lệ, hợp pháp và đúng thực tế của hồ sơ. Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, thành phố kiểm tra kiểm tra 100% hộ vay đề nghị xóa nợ và tối thiểu 20% hộ vay đề nghị khoan nợ trước khi trình Hội sở chính NHCSXH.

#### **Bước 3:** Sắp xếp và lưu trữ hồ sơ tại NHCSXH cấp tỉnh

Hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro được sắp xếp và lưu trữ theo từng đợt đề nghị bao gồm: tờ trình đề nghị xử lý nợ rủi ro và các mẫu biểu tổng hợp mẫu số (03, 04, 05/XLN) của toàn chi nhánh.

#### **Bước 4:** Gửi hồ sơ về Hội sở chính NHCSXH

- Tờ trình đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của toàn chi nhánh nêu rõ nguyên nhân rủi ro, tình hình thiệt hại, số nợ bị rủi ro đề nghị xử lý, xác nhận tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp của bộ hồ sơ chi tiết đề nghị xử lý và 01 liên mẫu số (04, 05/XLN) tổng hợp toàn chi nhánh kèm bộ hồ sơ pháp lý đề nghị khoan nợ, xóa nợ và dữ liệu đề nghị xử lý rủi ro.

Hiện nay, Tổng Giám đốc ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định gia hạn nợ vì thế không gửi (mẫu số 03/XLN) về Hội sở chính.

- Thời gian gửi hồ sơ: NHCSXH cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị xử lý nợ về Hội sở chính theo quy định của Tổng Giám đốc trong từng thời kỳ.

#### **d) Tại Hội sở chính NHCSXH**

**Bước 1:** Kiểm tra hồ sơ pháp lý và tổng hợp các khoản đề nghị xử lý rủi ro toàn hệ thống

Ban Quản lý và xử lý nợ rủi ro tiếp nhận hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro, tổ chức kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro của toàn hệ thống, đảm bảo tính pháp lý. Tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, cụ thể:

- Đối với gia hạn nợ: Hiện nay, Tổng Giám đốc ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định vì thế không lập (mẫu số 06/XLN).

- Đối với khoan nợ, xóa nợ: tham mưu Tổng Giám đốc báo cáo Ban Kiểm soát thẩm định; sau khi có kết quả thẩm định của Ban Kiểm soát, thực hiện tổng hợp các khoản nợ bị rủi ro đề nghị khoan nợ (mẫu số 07/XLN), đề nghị xóa nợ (mẫu số 08/XLN), tổng hợp đề nghị xử lý các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (mẫu số 09/XLN); lập tờ trình kèm (mẫu số 09/XLN) xin ý kiến ủy viên Hội đồng quản trị bằng hình thức họp để biểu quyết hoặc bằng văn bản theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, trình Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

Trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro, NHCSXH đề nghị Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp cùng bộ, ngành liên quan kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

#### **Bước 2:** Kiểm tra thực tế

Căn cứ tình hình thực tế, Hội sở chính tiến hành kiểm tra tại NHCSXH cấp tỉnh và NHCSXH nơi cho vay theo quyết định của Tổng Giám đốc (nếu cần).

**Bước 3:** Lưu trữ hồ sơ xử lý rủi ro: sau khi được phê duyệt xử lý nợ rủi ro. Ban Quản lý và xử lý nợ rủi ro có trách nhiệm sắp xếp hồ sơ pháp lý xử lý nợ rủi ro theo từng đợt bàn giao cho Văn phòng NHCSXH.

Văn phòng NHCSXH phối hợp Ban Quản lý và xử lý nợ rủi ro có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ, bảo quản hồ sơ pháp lý xử lý nợ bị rủi ro theo đúng chế độ lưu trữ, bảo quản hồ sơ.

### **6. Thông báo và hạch toán kết quả xử lý nợ rủi ro**

#### **a) Thông báo kết quả xử lý nợ rủi ro**

- Căn cứ quyết định xử lý nợ rủi ro của cấp có thẩm quyền, Hội sở chính gửi thông báo kèm danh sách khoan nợ, xóa nợ (mẫu số 11, 12/XLN) cho chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh để gửi NHCSXH nơi cho vay thực hiện. Hiện nay, Tổng Giám đốc ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định gia hạn nợ vì thế Hội sở chính không gửi thông báo kèm danh sách (mẫu số 10/XLN).

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định xử lý nợ bị rủi ro của cơ quan có thẩm quyền, NHCSXH nơi cho vay phải có văn bản thông báo xử lý nợ cho khách hàng gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho khách hàng biết thời gian, số tiền được xử lý nợ và tổ chức thực hiện theo quy định.

b) Hạch toán xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH nơi cho vay

- Đối với gia hạn nợ: NHCSXH nơi cho vay xác định lại kỳ hạn trả nợ ghi vào sổ vay vốn (hoặc hợp đồng tín dụng) dòng chữ: “Gia hạn nợ .... tháng theo Quyết định số ....từ ngày ...../...../.....” và nhập đầy đủ thông tin gia hạn nợ của từng món vay.

- Đối với khoan nợ: NHCSXH nơi cho vay ghi thời gian được khoan nợ vào sổ vay vốn (hoặc hợp đồng vay vốn) dòng chữ “Khoan nợ.... tháng theo Quyết định số..... từ ngày .../.../.....” và hạch toán từ tài khoản cho vay có liên quan sang tài khoản nợ cho vay được khoan. Trường hợp dư nợ tại thời điểm hạch toán **nhỏ hơn** số tiền được thông báo khoan nợ thì **khoan nợ theo số dư thực tế**.

**Lưu ý:** khi nhập thông tin khoan nợ theo Thông báo kết quả xử lý nợ cần đặc biệt chú ý đến ngày được khoan nợ, số tháng được khoan nợ của từng món vay.

- Đối với xóa nợ: NHCSXH nơi cho vay hạch toán xóa nợ gốc và lãi của khoản vay được thông báo xóa nợ. Số tiền hạch toán xóa nợ là số dư nợ gốc được thông báo và số tiền lãi phát sinh kèm theo đến thời điểm hạch toán. Trường hợp dư nợ tại thời điểm hạch toán **nhỏ hơn** số tiền được thông báo xóa nợ thì **xóa nợ theo số dư thực tế**. Số tiền chênh lệch thừa báo cáo, thuyết minh trên (mẫu số 14/XLN).

## 7. Báo cáo kết quả xử lý nợ bị rủi ro

- Sau khi thực hiện xử lý nợ bị rủi ro theo quyết định của cấp có thẩm quyền, NHCSXH nơi cho vay lập báo cáo kết quả xử lý nợ bị rủi ro theo (mẫu số 13, 14/XLN) gửi chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh tổng hợp gửi Hội sở chính chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc thông báo.

- Định kỳ vào ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, NHCSXH nơi cho vay báo cáo kết quả gia hạn nợ rủi ro trong kỳ gửi NHCSXH cấp tỉnh để tổng hợp gửi Hội sở chính. Báo cáo được gửi về Hội sở chính trước ngày 10/7 và 10/01 năm sau theo (mẫu số 15/XLN). Căn cứ báo cáo kết quả gia hạn nợ rủi ro và tình hình thực tế chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, Hội sở chính kiểm tra, giám sát việc gia hạn nợ theo ủy quyền tại NHCSXH nơi cho vay.

## 8. Thẩm quyền và trách nhiệm xử lý nợ bị rủi ro

a) Hội đồng quản trị NHCSXH

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc và báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát, các Ủy viên Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định.

- Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ cho khách hàng (đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ không vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tại NHCSXH) trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và phải được trên 50% số Ủy viên Hội đồng quản trị có ý kiến đồng ý.

#### b) Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH

- Thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ, xóa nợ cho khách hàng (đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ không vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tại NHCSXH) trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và phải được trên 50% số Ủy viên Hội đồng quản trị có ý kiến đồng ý.

- Báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xóa nợ (gốc, lãi) cho khách hàng đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro tại NHCSXH trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc.

#### c) Ban Kiểm soát NHCSXH

Thực hiện thẩm định tính hợp pháp, hợp lệ tối thiểu 10% hồ sơ/tổng số hồ sơ đề nghị khoan nợ, xóa nợ; thẩm tra thực tế (nếu cần) trước khi báo cáo Hội đồng quản trị NHCSXH.

#### d) Tổng Giám đốc NHCSXH

- Quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng. Trường hợp thực hiện ủy quyền việc gia hạn nợ, Tổng Giám đốc NHCSXH có văn bản ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng theo quy định về gia hạn nợ tại Quy định này.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước cơ quan quản lý Nhà nước và trước Hội đồng quản trị về thực hiện xử lý nợ bị rủi ro cho khách hàng vay tại NHCSXH theo đúng các quy định pháp luật; đảm bảo tính đầy đủ, pháp lý hồ sơ, tính chính xác của số liệu đề nghị xử lý nợ rủi ro và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

- Tổ chức chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống NHCSXH thực hiện đúng quy định tại Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH; đồng thời tổ chức thông tin, tuyên truyền đến từng tổ, nhóm vay vốn để thực hiện xử lý rủi ro kịp thời, đúng quy định.

- Trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định khoan nợ, xóa nợ đối với khách hàng sau khi có báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

#### đ) Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh

- Tổ chức thực hiện quy định xử lý nợ bị rủi ro.



- Tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý khoanh nợ, xóa nợ thuộc phạm vi của chi nhánh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng Giám đốc về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ, đúng thực tế của hồ sơ, số liệu đề nghị xử lý nợ bị rủi ro và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

e) Giám đốc NHCSXH nơi cho vay

- Thực hiện quy định xử lý nợ bị rủi ro.

- Quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng theo nội dung Tổng Giám đốc NHCSXH ủy quyền.

- Tổng hợp, kiểm tra hồ sơ pháp lý đề nghị xử lý khoanh nợ, xóa nợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng Giám đốc về tính chính xác, hợp pháp, hợp lệ, đúng thực tế của hồ sơ, số liệu đề nghị xử lý nợ bị rủi ro và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

**Lưu ý:** Tổng Giám đốc NHCSXH ủy quyền cho Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, quyết định gia hạn nợ cho các trường hợp bị rủi do nguyên nhân khách quan theo quy định tại văn bản này. Thời gian ủy quyền từ 01/10/2021 đến khi có văn bản khác thay thế. <sup>vb 8859/NHCS-QLN</sup>

## **9. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro**

a) Nguồn vốn để xóa nợ gốc cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của NHCSXH. Việc trích lập và sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được quy định tại quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Nguồn vốn để gia hạn nợ, khoanh nợ cho khách hàng theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.